TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2023/DS-PT
Ngày 14 - 4 - 2023
V/v tranh chấp về hợp đồng đặt cọc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Chí Dũng

- *Các Thẩm phán:* Ông Lê Khắc Thịnh

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 3 năm 2023 về "Tranh chấp về hợp đồng đặt cọc ".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 77/2023/QĐXXPT-DS ngày 20 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Hồng T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 435, ấp Tân T1, xã Tân P, huyện L1, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Thái Thanh S, sinh năm 1966;

2.2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Số 52, khóm Bình Phú Q, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Thái Thanh S và bà Nguyễn Thị T: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1958; Địa chỉ: Số 236, ấp Bình Phú Quới, xã Bình Thành, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Bà Phạm Hồng T, là nguyên đơn.

(Bà Phạm Hồng T, ông Nguyễn Văn V có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Phạm Hồng T trình bày:

Vào ngày 08/4/2022, bà Hồng T nghe được thông tin từ những người mua bán chung, biết ông Thái Thanh S và bà Nguyễn Thị T có vườn quýt (loại quýt đường) cần bán nên bà Hồng T tìm đến hỏi mua. Khi đến nhà ông S và bà Thị T, bà Hồng T với ông S và bà Thị T thỏa thuận bằng lời nói, ông S và bà Thị T đồng ý bán vườn quýt cho bà Hồng T với giá dao động từ 18.000 đồng đến 22.000 đồng một ký, sau khi hái quýt xong sẽ cân xác định số lượng để tính tiền, thời gian thực hiện hợp đồng vào ngày 14 - 15/4/2022. Khi thỏa thuận xong bà Hồng T giao cho ông S và bà Thị T số tiền 10.000.000 đồng để đặt cọc nhằm đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng mua bán quýt, bà Hồng T với ông S và bà Thị T thống nhất nếu đến ngày thực hiện hợp đồng (ngày hái quýt) mà bà Hồng T không thực hiện thì sẽ mất số tiền đặt cọc, còn nếu đến ngày thực hiện hợp đồng (ngày hái quýt) mà ông S và bà Thị T không thực hiện đúng hợp đồng (không đồng ý cho hái quýt hoặc bán quýt cho người khác) thì trả lại số tiền đặt cọc cho bà Hồng T. Việc thỏa thuận giữa bà Hồng T với ông S và bà Thị T đều không có ai chứng kiến.

Vào ngày 15/4/2022, bà Hồng T đến vườn quýt để hái thì thấy quýt còn xanh, nên ngày 16/4/2022 bà Hồng T điện thoại trao đổi với ông S và bà Thị T xin dời ngày hái quýt vào ngày 19/4/2022, nhưng bà Thị T không đồng ý và đòi thêm tiền rồi ngắt liên lạc. Sau đó, khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, ông S điện thoại lại báo cho bà Hồng T là đã bán quýt cho người khác kêu bà Hồng T lên nhận lại số tiền đặt cọc, sáng ngày 17/4/2022, bà Hồng T đến thì ông S không có ở nhà, bà Hồng T điện thoại cho ông S thì ông S điện thoại cho bà Thị T kêu trả tiền cho bà Hồng T, nhưng bà Thị T không đồng ý và nói do bán quýt lỗ chỉ trả lại số tiền 8.000.000 đồng, bà Hồng T không đồng ý bỏ về.

Sau khi quýt bán cho người khác xong, bà Hồng T điện thoại lại một lần nữa, bà Thị T kêu bà Hồng T dẫn thêm một người đi cùng đến gặp bà Thị T, bà Hồng T nghĩ đây là việc cá nhân nên đi một mình đến gặp bà Thị T. Khi bà Hồng T đến thì bà Thị T nói chỉ đưa số tiền 6.000.000 đồng, bà Hồng T không đồng ý và nói sẽ nhờ chính quyền can thiệp, bà Thị T nói nếu đưa ra chính quyền thì sẽ không trả lại tiền đặt cọc.

Nay bà Hồng T yêu cầu giải quyết buộc ông S và bà Thị T cùng có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Hồng T số tiền đặt cọc mua quýt 10.000.000 đồng.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Thái Thanh S và bà Nguyễn Thị T là ông Nguyễn Văn V trình bày:

Ông S và bà T có trồng vườn quýt (loại quýt đường), ngày 08/4/2022, bà Hồng T đến gặp ông S và bà Thị T để hỏi mua, bà Hồng T đến tận vườn để xác

định chất lượng quýt, sau khi xác định xong, ông S và bà Thị T với bà Hồng T thỏa thuận bằng lời nói, bà Hồng T đồng ý mua quýt với giá 22.000 đồng một ký, thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày 09 - 13/4/2022 là hết quýt chín bà Hồng T phải giao vườn lại cho ông S và bà Thị T trên diện tích 10.000m^2. Sau khi thỏa thuận xong bà Hồng T giao cho ông S và bà Thị T số tiền 10.000.000 đồng để đặt cọc nhằm đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng, bà Hồng T với ông S và bà Thị T thống nhất nếu đến ngày thực hiện hợp đồng (ngày hái quýt) mà bà Hồng T không thực hiện thì sẽ mất số tiền đặt cọc, còn nếu đến ngày thực hiện hợp đồng (ngày hái quýt) mà ông S và bà Thị T không thực hiện đúng hợp đồng (không đồng ý cho hái quýt hoặc bán quýt cho người khác) thì trả lại số tiền đặt cọc cho bà Hồng T. Việc thỏa thuận giữa ông S, bà Thị T với bà Hồng T không có ai chứng kiến. Tuy nhiên, đến hết ngày 13/4/2022 bà Hồng T không thực hiện hợp đồng và cũng không có bất kỳ một thỏa thuận sửa đổi, bổ sung nào với bên ông S và bà Thị T.

Sau đó ngày 14/4/2022, ông S và bà Thị T liên lạc bằng điện thoại cho bà Hồng T để giải quyết việc không thực hiện hợp đồng mua bán, bà Hồng T không nghe điện thoại, không gọi lại cho ông S, bà Thị T và chặn cuộc gọi. Đến ngày 20/4/2022 ông S sử dụng số điện thoại khác gọi thì bà Hồng T mới nghe điện thoại, ông S thông báo cho bà Hồng T là đã quá thời hạn thực hiện hợp đồng, quýt chín quá, bị thối và rụng nên sẽ bán cho người khác, ngày 21/4/2022 bà Hồng T đến nhà ông S và bà Thị T yêu cầu trả lại tiền cọc, do quá hạn hợp đồng bà Hồng T là người vi phạm hợp đồng làm quýt chín rụng, thối trái bị thiệt hại ông S và bà Thị T không đồng ý trả tiền đặt cọc, bà Hồng T có đơn đề nghị khóm Bình Phú Quới giải quyết nhưng không thành.

Nay ông S và bà Thị T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Hồng T về việc trả số tiền đặt cọc 10.000.000 đồng.

Tại quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L xét xử:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Phạm Hồng T.

2. Về án phí và tạm ứng án phí:

Bà Phạm Hồng T phải chịu số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ với số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Hồng T đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 0013518, ký hiệu biên lai 14BE-21, quyển số 0271, ngày 18/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Bà Hồng T còn phải nộp tiếp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 19/01/2023, Bà Phạm Hồng T kháng cáo toàn bộ bản án số: 01/2023/DS-PT ngày 06/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện

L. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết, theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, buộc ông Thái Thanh S và bà Nguyễn Thị T trả lại số tiền đặt cọc 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Phạm Hồng T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Ông Nguyễn Văn V là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Thái Thanh S và bà Nguyễn Thị T thống nhất bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Bà Phạm Hồng T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của Bà Phạm Hồng T nộp trong thời hạn luật định. Căn cứ Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của Bà Phạm Hồng T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết, theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, buộc ông Thái Thanh S và bà Nguyễn Thị T trả lại số tiền đặt cọc 10.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Hồng T yêu cầu ông S và bà Thị T trả lại số tiền đặt cọc mua quýt 10.000.000 đồng. Bà Hồng T và người đại diện của ông S, bà Thị T thừa nhận vào ngày 08/4/2022 bà Hồng T với ông S và bà Thị T giao kết hợp đồng đặt cọc mua bán quýt, việc thực hiện bằng lời nói, không có người chứng kiến. Theo đó, bà Hồng T đặt cọc số tiền 10.000.000 đồng cho ông S và bà Thị T, mục đích thực hiện hợp đồng mua bán quýt (loại quýt đường).

Bà Hồng T cho rằng ngày thực hiện hợp đồng (ngày hái quýt) là ngày 14 – 15/4/2022, còn người đại diện của ông S và bà Thị T cho rằng ngày thực hiện hợp đồng (ngày hái quýt) là ngày 09 – 13/4/2022. Mặc dù, giữa bà Hồng T và người đại diện của ông S, bà Thị T trình bày ngày thực hiện hợp đồng không

thống nhất, việc thỏa thuận giữa các bên bằng lời nói, không có người chứng kiến, cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho ý kiến trình bày của mình.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Hồng T trình bày từ ngày 13 – 15/4/2022 bà không có đến vườn quýt xem, bà Hồng T thừa nhận đến ngày 16/4/2022 có liên hệ với ông S và bà Thị T đề nghị được dời ngày thực hiện hợp đồng (ngày hái quýt) vào ngày 19/4/2022 nhưng ông S và bà Thị T không đồng ý, cho thấy lời đề nghị sửa đổi hợp đồng đặt cọc của bà Hồng T không được ông S và bà Thị T đồng ý. Do bà Hồng T đã vi phạm thời hạn thực hiện hợp đồng và phải chịu mất cọc là phù hợp với quy định của pháp luật. Việc bà Hồng T yêu cầu ông S và bà Thị T trả lại số tiền đặt cọc mua quýt 10.000.000 đồng là không có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Hồng T không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà Hồng T là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồng T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, không chấp nhận kháng cáo của bà Hồng T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Do kháng cáo của bà Hồng T không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bà Phạm Hồng T.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2.1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Phạm Hồng T.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Hồng T phải chịu số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ với số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Hồng T đã nộp tạm ứng án

phí theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 0013518, ký hiệu biên lai 14BE-21, quyển số 0271, ngày 18/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Bà Hồng T còn phải nộp tiếp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Hồng T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số 0016391, ngày 31/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Trang).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Dũng